

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN Ô MÔN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: **40/2025/HNGĐ - ST**

Ngày: 08/4/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Nghĩa.

2. Bà Bùi Thanh Hà.

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 62/2025/TLST–HNST ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc Đ**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: khu V, phường L, quận Ô, Thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Đỗ Thị Hồng T**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: khu V, phường L, quận Ô, Thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2025, nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ trình bày:

Ông Đ và bà T qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Ô, Thành phố Cần Thơ vào tháng 11/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tiếng nói chung và thường xảy ra bất hòa về

tình cảm. Mâu thuẫn kéo dài mà không thể hàn gắn được khiến cho hôn nhân rạn nứt không còn hạnh phúc và tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó, ông Đ có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: thời gian chung sống ông bà có một con chung là cháu Trần Thị Ánh N (nữ) sinh ngày 05/11/2019. Ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 20/03/2025, bị đơn bà Đỗ Thị Hồng T trình bày:

Bà T và ông Đ qua mai mối đã tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Ô, Thành phố Cần Thơ vào tháng 11/2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 03/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình cảm bất hòa thường cự cãi khiến cho hôn nhân không còn hạnh phúc. Dù đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng và cả hai đã sống ly thân từ tháng 03/2024 cho đến nay. Nay bà T cũng đồng ý ly hôn với ông Đ

Về con chung: con chung hiện do ông Đ nuôi dưỡng nên khi ly hôn bà T đồng ý giao con lại cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà T có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Đ, bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ, phía bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Ô án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và có đơn xin vắng mặt trong quá trình hòa giải, xét xử của Tòa do bản thân bận đi làm ăn xa không thể có mặt theo sự triệu tập của Tòa án. Nguyên đơn cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa

xét xử do bận công việc gia đình. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Qua trình bày của đương sự đã xác định được: Ông Đ, bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân và chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn là sự thật. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn. Nay cả ông Đ và bà T đều đồng ý ly hôn cùng nhau do hôn nhân đã không còn hạnh phúc. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, yêu cầu ly hôn của ông Đ là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về con chung:

Thời gian chung sống ông Đ, bà T có một con chung là Trần Thị Ánh N (nữ) sinh ngày 05/11/2019. Xét thấy, con chung hiện đang sống cùng ông Đ và các đương sự cũng thống nhất để ông Đ trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc Đ được ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng T.

2. Về con chung: giao con chung Trần Thị Ánh N (nữ) sinh ngày 05/11/2019 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không buộc bà T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà T theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0004884 ngày 26/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.